

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 12 năm 2022
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trò và ông Trần Văn Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Khu N, xã V, huyện C, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Hoàng Đình D, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Xóm Q, xã Q, huyện Y, tỉnh N.

(Chị S, anh D đều có đơn đề nghị xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 19/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:* Chị và anh Hoàng Đình D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2013 tại UBND xã Q, huyện Y, tỉnh N. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh D ở Nghệ An được một năm thì vợ chồng ra ngoài làm ăn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Tháng 12/2014 chị đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở khu Nội Danh, xã V, huyện C, tỉnh P ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh D nữa. Vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là Hoàng Thị Linh X, sinh ngày 23/6/2013. Từ khi chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở thì cháu X ở cùng chị và bố mẹ chị. Nguyên vọng của cháu X xin được ở cùng chị. Chị làm lao động tự do có thu nhập khoảng

15.000.000đ/ 1 tháng. Đủ điều kiện để nuôi con ăn học. Bên cạnh chị còn có sự chăm sóc của bố mẹ đẻ chị, có nhà cửa đất đai ổn định nên cháu X có chỗ ăn ở ổn định, đảm bảo cuộc sống, trường học gần nhà thuận tiện cho việc học hành. Vì vậy, khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị S không yêu cầu giải quyết.

2, *Tại bản tự khai và tại đơn đề nghị ngày 15/11/2022, bị đơn anh Hoàng Đình D trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị S trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị S ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị S xin ly hôn anh cũng nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh và chị S có 01 con chung là Hoàng Thị Linh X, sinh ngày 23/6/2013, hiện nay đang ở cùng chị S. Khi ly hôn anh nhất trí giao cháu X cho chị S được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung vì chị S tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Anh D không yêu cầu giải quyết.

3, *Nguyện vọng của cháu Hoàng Thị Linh X:* Tại bản tự khai ngày 21/10/2022 cháu X đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ.

4, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã V ngày 11/11/2022 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp:* Chị S và anh D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/01/2013 tại UBND xã Q, huyện Y, tỉnh N. Sau khi kết hôn chị S về chung sống cùng anh D tại Nghệ An. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã V từ đó đến nay không quay lại chung sống cùng anh D nữa. Anh chị mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị S xin ly hôn anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm b, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Hoàng Đình D.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Hoàng Thị Linh X, sinh ngày 23/6/2013 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d^ong, giáo dục kể từ khi vợ

chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị S tự nguyện không yêu cầu. Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị S, anh D không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh D có hộ khẩu thường trú tại xóm Quang Long, xã Q, huyện Y, tỉnh N nhưng anh D đã có quan điểm nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ giải quyết việc ly hôn theo đơn khởi kiện của chị S. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm b, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị S, anh D đều có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị S và anh D là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã Q, huyện Y, tỉnh N cho đăng ký kết hôn ngày 09/01/2013. Chị S và anh D đều xác nhận vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Tháng 12/2014 chị S đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở khu Nội Danh, xã V, huyện C, tỉnh P ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh D nữa. Vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị S và anh D là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị S xin ly hôn, anh D nhất trí ly hôn. Vì vậy cần xử cho chị S được ly hôn anh D là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị S và anh D đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thị Linh X, sinh ngày 23/6/2013, hiện nay đang ở cùng chị S. Khi ly hôn chị S xin được nuôi cháu X, không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh D đồng ý theo ý kiến của chị S. Nguyên vọng của cháu X đề nghị nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ. Xét yêu cầu của anh, chị về việc thỏa thuận giao con chung và thỏa thuận không phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị S, anh D không

yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm b, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Hoàng Đình D.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Hoàng Thị Linh X, sinh ngày 23/6/2013 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị S tự nguyện không yêu cầu. Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị S, anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0007992 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã Quang Thành;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền